

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 18/6/2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký

2. Ông Hồ Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Trụ sở chính: 109 Trần H, phường C, Quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm D – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng T

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tấn V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Phú Yên. Ông Trần Tấn V ủy quyền lại cho ông Võ Huy C – Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành S; nơi ĐKTT:

Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện nguyên đơn ông Võ Huy C trình bày: Ngân hàng T (Ngân hàng T) và Vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành S (vợ chồng bà Thảo, ông Sơn) có giao kết hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019, theo đó Ngân hàng T giải ngân cho vợ chồng bà T, ông S vay số tiền 50.000.000đ, phương thức cho vay: từng lần theo sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân thông qua tổ liên kết vay vốn, mục đích vay tiêu dùng – mua sắm đồ gia dụng – Thanh toán tiền mua hàng tại Nội thất điện máy Mạnh Hùng, thời hạn vay 36 tháng (kể từ ngày 23/5/2019 – 23/5/2022), lãi suất vay 9,9%/năm, hình thức vay không có tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ gốc và lãi: trả góp định kỳ vào ngày 15 mỗi tháng, số kỳ góp: 36 tháng. Quá trình vay, vợ chồng bà T, ông S trả nợ theo đúng thỏa thuận nhưng từ ngày 15/9/2020 đến nay, vợ chồng bà T, ông S không trả nợ cho Ngân hàng T như cam kết. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà T, ông S phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 là 33.997.762 đồng (trong đó: nợ gốc 29.149.968 đồng, nợ lãi trong hạn 3.957.133 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn 752.141 đồng, nợ lãi quá hạn 138.520 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 đến ngày vợ chồng bà T, ông S trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019.

Bị đơn vợ chồng bà T, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả một lần cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 là 33.997.762 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 đến ngày vợ chồng bà T, ông S trả hết nợ cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ tiền trong hợp đồng vay tài sản nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn vợ chồng bà T, ông S thường trú tại Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu vợ chồng bà T, ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ*: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019. Xét hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019 được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp lý; các bên đã thực hiện các giao kết của hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng T giải ngân cho vợ chồng bà T, ông S vay 50.000.000 đồng thanh toán hóa đơn mua hàng tại Nội thất điện máy Mạnh Hùng theo hóa đơn mua hàng ngày 23/5/2019, vợ chồng bà T, ông S đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi góp định kỳ vào ngày 15 mỗi tháng, đến ngày 15/9/2020 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông S tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019 là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc vợ chồng bà T, ông S phải trả cho Ngân hàng T số tiền còn nợ tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 là 33.997.762 đồng (trong đó: nợ gốc 29.149.968 đồng, nợ lãi trong hạn 3.957.133 đồng, lãi chậm trả nợ lãi trong hạn 752.141 đồng, nợ lãi quá hạn 138.520 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 theo hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019 cho đến khi trả hết nợ. Vợ chồng bà T, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả của việc vắng mặt.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1] Bị đơn vợ chồng bà T, ông S phải chịu 1.700.000đ (33.997.762 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T số tiền 755.800 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005123 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2020. Buộc Vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 33.997.762 đồng (*Ba mươi ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng*) tính đến thời điểm ngày 17/6/2021 (*trong đó, nợ gốc 29.149.968 đồng, lãi trong hạn 3.957.133 đồng, lãi chậm trả lãi trong hạn 752.141 đồng, lãi quá hạn 138.520 đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/6/2021 theo hợp đồng tín dụng số HDTD60020190662 ngày 23/5/2019 cho đến khi trả hết nợ.

2. Án phí:

Bị đơn Vợ chồng bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Thành S phải chịu 1.700.000 đồng (*Một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng T 755.800 đồng (*Bảy trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005123 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THADS TX.Sông Cầu (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên